

QUY TRÌNH XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG, BẤT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

Phạm Minh Gia Ý*

Khoa Luật Kinh tế, Trường Đại học Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Tóm tắt: Đề tài nhận xét quy trình tạo lập văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của chính quyền địa phương; với mong muốn nêu bật tính xuyên suốt, tương đồng khi thực hiện các bước này. Để làm rõ nội dung các bước, cần khai thác các nội dung thành phần để có nhận xét khách quan. Từ việc phân tích quy trình này, bài viết chỉ ra những trở ngại trong việc tiến hành. Từ đó, tác giả kiến nghị một số ý kiến để đảm bảo hiệu quả khi triển khai VBQPPL của chính quyền địa phương trong thời gian đến.

Từ khóa: chính quyền địa phương, nghị quyết, quyết định, văn bản pháp quy

1. GIỚI THIỆU

Văn bản pháp quy (VBPQ) có vị trí cực kỳ cần thiết, là nền tảng để bộ máy lãnh đạo các cấp chỉ đạo, điều hành, giải quyết thực tế phát sinh trong đời sống xã hội, giúp quốc gia và người dân phát triển theo yêu cầu đặt ra trong thực tiễn đổi mới của đất nước. Do đó, VBQPPL phải thỏa mãn các yêu cầu nghiêm ngặt khi xây dựng trước khi áp dụng thực tiễn. Sự tuân thủ nghiêm ngặt trình tự, cách thức thực hiện trong thực tiễn luôn được các cấp, các ngành, người dân rất quan tâm.

Những thay đổi về kinh tế - xã hội thường xuyên diễn ra ở các vùng miền đất nước nên các cơ quan có trách nhiệm đều phải luôn theo dõi các biến động này để có cách ứng phó kịp thời.

Thực tế phản ánh, việc giải quyết hiệu quả các biến động này theo hướng ổn định, an toàn, nhu cầu đòi hỏi số lượng, chất lượng VBQPPL điều chỉnh là hết sức cần thiết. Nhưng quá trình diễn ra đã chỉ rõ bởi nhiều nguyên nhân, công tác triển khai, các bước soạn thảo VBQPPL còn nhiều hạn chế, khó khăn, đặc biệt trong các văn bản pháp quy của đơn vị hành chính nhà nước tại các tỉnh, huyện, xã. Vì thế, một nhu cầu cấp thiết và hiện hữu là cần nhận xét, phân tích quy trình soạn thảo VBQPPL cấp địa phương.

2. CƠ SỞ PHÁP LUẬT

2.1 Những bước xây dựng, ban hành VBQPPL của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại đơn vị hành chính

Những bước xây dựng, ban hành VBQPPL của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại đơn vị hành chính dựa trên Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), bao gồm các nội dung:

2.1.1 Các bước hình thành VBQPPL của cơ quan quyền lực cao nhất ở địa phương

a. Các bước hình thành VBQPPL của Hội đồng nhân dân tỉnh (từ Điều 111 đến Điều 126)

Các bước hình thành văn bản pháp quy có mới so với trước đây là thêm nhận xét đánh giá tác động chính sách khi lập hồ sơ đề nghị.

Các bước tạo ra nghị quyết (NQ) của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh gồm 08 bước cụ thể:

Bước 1: Lập tờ trình (Ủy ban nhân dân (UBND) cùng cấp, các ban của HĐND hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (UBMTTQ) tỉnh). Những đơn vị này khi lập đề nghị phải nêu được tính cấp thiết, nhận xét tác động nội dung chính sách có quan hệ với các yếu tố của luật, kinh tế xã hội, thủ tục hành chính, về giới, căn cứ nội hàm văn bản, hoàn thành

hồ sơ tham mưu gửi Thường trực HĐND tỉnh theo quy định.

Bước 2: Thành lập chủ thể tổ chức soạn thảo Nghị quyết (NQ). Thời gian qua cho thấy, chủ thể chịu trách nhiệm soạn NQ là các cơ quan phụ trách lĩnh vực chuyên ngành của địa phương.

UBND tỉnh phân công các sở chuyên môn theo lĩnh vực phụ trách hoặc các sở chuyên môn cùng với Sở Tư pháp thực hiện. Cơ quan (CQ) có nhiệm vụ soạn thảo văn bản (VB) sẽ nghiên cứu, báo cáo các vấn đề cần giải quyết trong các trường hợp mà nội dung dự thảo được cụ thể tại Điều 119.

Bước 3: Nội dung văn bản pháp quy bắt buộc công khai trên trang công báo tỉnh để thu thập và tổng hợp những góp ý của các đơn vị liên quan như Sở Tài chính, Sở Nội vụ và người dân bị tác động bởi nghị quyết.

Bước 4: Sở Tư pháp tổ chức thẩm định hồ sơ được gửi về từ đơn vị viết dự thảo và xin thêm ý kiến từ Phòng Xây dựng pháp luật của UBND tỉnh.

Bước 5: Bộ phận của UBND tỉnh được giao phải nhận đầy đủ giấy tờ quy định để trình UBND tỉnh họp, quyết định.

Bước 6: Các ban HĐND tỉnh sẽ thẩm tra tài liệu, giấy tờ liên quan đến dự thảo nghị quyết

Bước 7: Lãnh đạo HĐND tỉnh trình trong kỳ họp HĐND gần nhất để đại biểu HĐND thảo luận và quyết định có đồng ý hay không. Chủ tịch ký chứng thực thông qua.

Bước 8: Đăng VBQPPL chính thức trên công báo (Điều 150)

b. Những bước tạo lập VBQP của cơ quan quyền lực cao nhất cấp huyện (Từ Điều 133 đến Điều 137)

Việc xây dựng VBQP của HĐND huyện tương tự, tuy nhiên việc ban hành không yêu cầu UBND cấp huyện phải tiến hành lập đề nghị như ở tỉnh.

Các bước tạo ra NQ của HĐND huyện gồm 06 bước:

Bước 1: Soạn thảo VB của các phòng chuyên môn của huyện được lãnh đạo UB huyện phân công.

Bước 2: Gửi dự thảo để thu thập góp ý.

Bước 3: Đơn vị soạn thảo hoàn thành để gửi thẩm tra xác định tại Phòng Tư pháp.

Bước 4: UBND huyện họp để quyết định gửi các ban của HĐND huyện thẩm tra.

Bước 5: UBND huyện trình hồ sơ hoàn chỉnh cho HĐND huyện, đưa ra họp HĐND và lãnh đạo HĐND huyện ký chứng thực ban hành.

Bước 6: Nghị quyết được thông báo bằng hình thức là gửi và thông báo rộng rãi bằng các công cụ thông tin của huyện.

c. Các bước hình thành VBQPPL cấp xã (Điều 142 và Điều 143)

Quy trình tại xã gồm có 02 bước:

Bước 1: UBND cấp xã soạn dự thảo.

Bước 2: Trình HĐND xã xem xét, đưa ra họp thảo luận, quyết định và người đứng đầu HĐND cấp xã ký ban hành. NQ được thông báo bằng các công cụ thông tin của xã.

2.1.2 Các bước ban hành VBQPPL của UBND

a. Các bước ban hành quyết định của UBND tỉnh (Điều 127 đến Điều 132)

Các bước tạo ra quyết định của UBND tỉnh gồm 06 bước:

Bước 1: Các sở chuyên môn hoặc UBND huyện lập tờ trình đề nghị (không cần đánh giá ảnh hưởng chính sách) gửi Văn phòng UBND tỉnh nhận xét và đánh giá. Thẩm quyền giải quyết cuối cùng thuộc về lãnh đạo UBND tỉnh.

Bước 2: Đa số các Sở chuyên môn sẽ tiến hành soạn dự thảo.

Bước 3: Sở chuyên môn phụ trách sẽ công khai văn bản để nhận được các quan điểm cần thiết cho Quyết định (QĐ).

Bước 4: Tài liệu liên quan sẽ được gửi đến cơ quan có thẩm quyền thẩm định (Sở

Tư pháp) và gửi lại chủ thể soạn thảo. Ý kiến của Văn phòng UBND tỉnh được thực hiện bởi văn bản.

Bước 5: Sở chuyên môn soạn thảo gửi đầy đủ hồ sơ dự thảo kèm các tài liệu liên quan để UBND tỉnh họp xem xét. Lãnh đạo tỉnh ký QĐ.

Bước 6: Nội dung QĐ được đăng trên công báo cấp tỉnh.

b. Các bước xây dựng quyết định của UBND huyện (Điều 138 đến Điều 141)

Quá trình hình thành quyết định của UBND huyện gồm 05 bước:

Các bước này không có lập đề nghị, các bước còn lại tương tự như các bước xây dựng quyết định ở tỉnh. Cụ thể:

Bước 1: Các phòng, ban ở từng lĩnh vực mà mình phụ trách sẽ được giao công việc viết dự thảo QĐ;

Bước 2: Thu thập ý kiến của một số phòng chuyên môn.

Bước 3: Phòng Tư pháp thẩm tra xác định.

Bước 4: Lãnh đạo huyện ký QĐ.

Bước 5: QĐ được thông báo cho các cơ quan thực hiện và thông tin đến người dân bằng phương tiện truyền thông của huyện.

c. Các bước xây dựng quyết định của UBND xã (Điều 144 và Điều 145)

Quá trình hình thành VBQPPL của UBND xã chỉ gồm 02 bước là:

Bước 1: Viết văn bản.

Bước 2: UB xã họp trao đổi để ký chính thức.

Các bước này thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND xã. (QĐ được thông báo đến các thôn, khu phố)

2.2 Một số điểm mới trong Nghị định của Chính phủ

Nghị định (NĐ) mới được ban hành ngày 25/5/2024 để hướng dẫn thi hành luật ban hành VPQPPL có các điểm mới (có hiệu lực

từ 01/6/2024) đối với VBQPPL:

Đầu tiên, định nghĩa lại chính sách là gì, các nội dung chính sách, trong đó các chính sách chỉ còn 4 nội dung thay vì 5 nội dung do gộp hai nội dung về kinh tế và về xã hội thành một nội dung Kinh tế - Xã hội (KT-XH) và sửa lại các nội dung này; bỏ một số mẫu cũ và thay bằng các mẫu mới trong các phụ lục.

Thứ hai, bổ khuyết phần tập hợp các quan điểm đóng góp của các chủ thể bị ảnh hưởng từ VBQPPL.

Thứ ba, bổ khuyết phần tổ chức và thực hiện việc thẩm định VBQPPL.

Từ những sự thay đổi trên, nhận thấy Nghị định 59/2024/NĐ-CP đã giải thích cặn kẽ hơn về định nghĩa các khái niệm và nội dung có chứa trong chính sách kèm theo mẫu báo cáo mới; gộp lại để tinh gọn hơn (còn 04 nội dung).

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cách thức được dùng là từ các cơ sở pháp luật để thấy được thực trạng diễn ra, từ đó tổng hợp các hạn chế, khó khăn của chính quyền địa phương (CQDP) khi tạo nên một VBQPPL. Bằng phương pháp phân tích, tổng hợp, tác giả kiến nghị giải pháp nhằm bổ sung quá trình ban hành VBQPPL trong thời gian đến.

Song song đó, các số liệu dẫn chứng (của CQDP cả nước và tại một số tỉnh) được áp dụng với mục đích tra cứu, tổng hợp số liệu VBQPPL sẵn có, có tác dụng đối với việc nghiên cứu. Mục đích sử dụng phương pháp nhằm làm rõ sự phát triển về số lượng VBQPPL hằng năm, từ đó nói lên sự cần thiết, hiệu quả của việc tuân theo trình tự các bước xây dựng VBQPPL, sự chỉ đạo thường xuyên của Cơ quan nhà nước (CQNN) cấp trung ương đối với việc tạo lập hệ thống pháp luật của CQDP nhằm phát triển tình hình KT-XH, giữ vững an ninh địa phương và cải thiện đời sống công dân.

4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1. Số liệu cụ thể

Theo số liệu thống kê VBQPPL giai đoạn 2016 - 2023 của Bộ Tư pháp (Bảng 1), CQĐP trong phạm vi cả nước đã ban hành tổng cộng 90610 VBQPPL. Trong đó, 32721 VBQPPL đối với CQĐP ở tỉnh (11398 NQ và 21323 QĐ); 18006 VBQPPL đối với CQĐP ở huyện (5148 NQ và 12858 QĐ); 34883 VBQPPL đối với CQĐP ở xã (31917 NQ và 7966 QĐ)¹.

Bình quân số VBQPPL của CQĐP cấp tỉnh đạt 65 văn bản trên một năm.

So với bình quân cả nước, số lượng VBQPPL tại CQĐP tỉnh Bình Thuận đạt thấp hơn. (58/65 VBQPPL); trong khi đó TP. Hồ Chí Minh (89/65), Ninh Bình (94/65), Đắk Lắk (73/65), An Giang (85/65) (Bảng 1).

Bảng 1: Thống kê số lượng VBQPPL của chính quyền địa phương cấp tỉnh từ năm 2021 đến hết tháng 6 năm 2024 tại một số tỉnh, thành phố của các vùng miền²

STT	Tỉnh, thành phố	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		06 tháng đầu năm 2024	
		NQ	QĐ	NQ	QĐ	NQ	QĐ	NQ	QĐ
1	TP.HCM	31	56	28	52	39	61	08	36
2	Ninh Bình	25	73	19	67	28	71	04	44
3	Đắk Lắk	20	45	22	53	35	45	06	26
4	An Giang	23	72	44	61	19	36	04	20
5	Bình Thuận	19	32	24	38	23	32	13	23

Nguồn: Cơ sở dữ liệu quốc gia về VBPL của 05 tỉnh, thành phố

Các số liệu thống kê như trên đã phản ánh việc ban hành VBQPPL luôn được diễn ra và duy trì ổn định. Từ đó nói lên được các vấn đề thực tiễn luôn được chú ý thường xuyên đề điều chỉnh, bổ sung.

4.2 Những bất cập, khó khăn trong việc tạo lập VBQPPL đối với CQĐP.

4.2.1 Bất cập, khó khăn trong thực hiện tạo lập NQ của HĐND tỉnh.

a. Một số nội dung chưa được hướng dẫn gây khó khăn cho quá trình tạo lập VBQPPL.

Thứ nhất, hạn chế, khó khăn cho cơ quan trình đề nghị (chủ yếu là UBND cấp tỉnh) trong việc nhận xét các mặt bên trong của chính sách nếu nội dung NQ có đề cập đến yếu tố có đặc trưng khớp với bối cảnh hiện tại ở địa phương đó (Khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2020). Trong 04 nội dung cần phân tích tác động chính sách (TĐCS) thì chỉ có phần đánh giá về thủ tục hành chính (TTHC) là được Bộ Tư pháp quy định cụ thể; trong khi đó, 03 nội dung còn lại chưa được Bộ Tư

pháp trình bày chi tiết nên các chủ thể đề xuất lập đề nghị, viết bản thảo VBQPPL gặp nhiều khó khăn, cụ thể:

- Về KT-XH, về giới, chưa được Bộ Tư pháp chỉ đạo căn kẽ theo quy định của luật và nghị định dẫn đến việc nhận xét sự ảnh hưởng ở các phần này chưa sâu sát, hạn chế cho việc lập đề nghị.

- Nội hàm của chính sách NQ với tác động KT-XH cần được hướng dẫn đánh giá chi tiết vì nếu xác định nội dung của nghị quyết có chứa biện pháp đặc thù thì việc đánh giá TĐCS ở giai đoạn 4.2.1.a phải thực hiện đầy đủ 04 nội dung (hệ thống pháp luật, KT-XH, thủ tục hành chính, giới). Nhưng nếu chỉ xem nội hàm này là biện pháp nhằm phát triển KT-XH của địa phương thì không cần đánh giá TĐCS.

- Nội dung VBQP nêu tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 27 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2020, theo đó, lĩnh vực về bình đẳng giới phải được nhận xét. Việc làm này gây khó khăn khi viết bản

¹Bộ Tư Pháp (2024), Báo cáo tổng kết Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020. Truy cập từ [https:// www.moj.gov.vn/ qt/ tintuc/Pages/chí-dao-dieu-hanh.aspx?ItemID=4255](https://www.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/chí-dao-dieu-hanh.aspx?ItemID=4255)

²Cơ sở dữ liệu quốc gia về VBPL của 05 tỉnh, thành phố: TP.HCM. Ninh Bình, Đắk Lắk, An Giang, Bình Thuận (2021-2024). 122

thảo VBQPPL do chưa được hướng dẫn cụ thể.

Thứ hai, việc thu thập và tổng hợp những góp ý được diễn ra bằng cách thức là đăng toàn văn nội dung VBQPPL lên trung tâm thông tin của tỉnh và nếu cần thiết thì các chủ thể này sẽ làm việc trực tiếp. Thực tế cho thấy tiếp cận những thông tin này để trình bày những ý kiến của mình là không hề đơn giản (có thể do sự hiểu biết, dân trí, trình độ công nghệ thông tin...). Ngoài ra, cách thực hiện này còn có thể dẫn đến việc không có sự phản hồi (do nhiều lý do), hoặc trả lời còn chung chung dẫn đến việc lấy ý kiến không được hiệu quả, ảnh hưởng đến chất lượng của NQ; trong khi đó, việc xử lý trách nhiệm lại chưa đủ sức thuyết phục và thỏa đáng.

b. Thời gian quy định chưa hợp lý, chưa đầy đủ trong việc thực hiện từng bước và chưa quy định rõ bao nhiêu ngày phải xử lý tiến độ thực hiện gây hạn chế, bất cập

- Sở chuyên môn tiến hành thẩm định hồ sơ lập đề nghị và trả kết quả thẩm định với thời gian tối đa 25 ngày là khá dài, cần được tính toán rút ngắn hơn. Thời gian để cơ quan lập đề nghị chỉnh sửa để trình UBND tỉnh gửi HĐND cùng cấp chưa được quy định rõ thời gian bao nhiêu phải hoàn thành, làm kéo dài thời gian ở bước này.

- Thời gian soạn dự thảo nghị quyết không được quy định bao nhiêu ngày phải hoàn thành, cần được bổ sung. Thời gian gửi hồ sơ soạn thảo cho cơ quan (CQ) thẩm định cũng chưa được nêu rõ. Các bất cập này gây ảnh hưởng đến tiến độ tạo lập VBQPPL.

- Theo luật quy định, các ban HĐND tỉnh thẩm tra lần cuối để trình HĐND họp thảo luận, biểu quyết chỉ có 05 ngày là chưa hợp lý, vì đây là công đoạn cuối cùng của CQ chuyên môn thuộc HĐND tỉnh nên cực kỳ quan trọng (Trước 15 ngày họp HĐND, các ban mới được nhận hồ sơ thẩm tra, nhưng phải báo cáo kết quả cho Thường trực HĐND tỉnh trước 10 ngày).

- Thường trực (TT) HĐND chỉ có 03 ngày xem xét để gửi tài liệu NQ cho đại biểu

HĐND tỉnh nên TT HĐND không đủ thời gian để chỉ đạo các ban hoàn chỉnh nếu còn thiếu sót.

- Tại kỳ họp HĐND thường kỳ hoặc chuyên đề cũng cần quy định thời gian cho CQ trình bày làm rõ dự thảo NQ, thời gian thảo luận dành cho đại biểu để xem xét, biểu quyết thông qua.

c. Một số điều kiện về nguồn lực thực hiện chưa tương xứng với nhu cầu gây khó khăn khi tạo lập VBQPPL tại địa phương

- Bộ máy nhân sự của các sở chuyên môn khi thực hiện đánh giá TĐCS còn thiếu. Hiện nay rất ít sở chuyên môn có Phòng Pháp chế hoặc chuyên viên pháp chế chuyên trách mà đa số là kiêm nhiệm, nên việc tạo ra một NQ sẽ bị hạn chế về chất lượng và tiến độ thực hiện.

- Kinh phí bố trí xây dựng VBQPPL có được tăng cường nhưng chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu, nhất là mời các chuyên gia Lập pháp, các Nhà Khoa học, các Luật gia, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Đoàn Luật sư các tỉnh.

4.2.2. Bất cập, khó khăn trong thực hiện quy trình xây dựng QĐ của UBND tỉnh

Bước lập đề nghị thì cơ quan trình đề nghị chưa nêu bật lý do tại sao phải cho ra đời quyết định đó.

Bước viết bản thảo quyết định phải đánh giá TTHC, nhất là đánh giá TĐCS, do chưa được hướng dẫn tiêu chí chi tiết nên chất lượng chưa cao.

Bước thu thập và tổng hợp ý kiến của người dân cũng gặp hạn chế như: một bộ phận người dân thiếu điều kiện nắm bắt thông tin kịp thời để góp ý; một số phản hồi những quan điểm đóng góp chưa đúng yêu cầu... như đã đề cập ở phần 4.2.1.a

4.2.3. Bất cập, khó khăn trong thực hiện các bước tạo lập VBQPPL của CQNN huyện và CQNN xã

a. Hạn chế khi thực hiện xây dựng, ban hành VBQPPL ở cấp huyện

Thứ nhất, việc thu thập các ý kiến phản hồi

của người dân ở cấp huyện chưa được thuận lợi do một số cá nhân không nắm bắt kịp thời thông tin. Tuy vậy, do phạm vi địa bàn huyện không rộng như địa bàn tỉnh nên có thể tiến hành giao cho các xã thực hiện.

Thứ hai, bộ máy nhân sự của các phòng chuyên môn được phân công soạn NQ, QĐ vẫn kiêm nhiệm, chưa có chuyên trách, nghiệp vụ xây dựng VBQPPL chưa được tập huấn nhiều so với ở tỉnh.

b. Hạn chế, khó khăn trong thực hiện VBQPPL ở cấp xã

Vì cơ cấu tổ chức cấp xã chỉ có một chuyên viên tư pháp – hộ tịch, chủ yếu tham mưu làm các dịch vụ công pháp lý như: giấy khai sinh, giấy chứng tử... nên việc thực hiện tạo lập NQ, QĐ của các CQNN cấp xã còn nhiều hạn chế, khó khăn về chất lượng và tiến độ từng bước còn chậm.

5. KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý QUẢN TRỊ

5.1 Kết luận

Tóm lại, ta nhận thấy quá trình để tạo ra một VBQPPL của CQĐP là trình tự các bước tiến hành vô cùng chặt chẽ và liên quan đến nhau, được nêu trong Luật và các VB dưới luật về việc cho ra đời một VB pháp quy.

Trình tự các bước là chặt chẽ, các cơ quan có trách nhiệm khá tốt trong ý thức tuân thủ trình tự nhưng nhu cầu của con người luôn luôn đòi hỏi đi lên nên các vấn đề luôn được đặt ra dẫn đến yêu cầu các QPPL hiện hành phải thỏa mãn.

Tuân thủ trình tự các bước trên sẽ giải quyết được các vấn đề phát sinh, giá trị của VB được ra đời sẽ được tăng cao, không trái với Hiến định, pháp chế và góp phần bổ khuyết hệ thống VBPL. Do đó, vị trí của HĐND, UBND các cấp, các cơ quan tham mưu như: các sở phụ trách từng lĩnh vực, phòng Tư pháp, các phòng chuyên môn, các Ban của HĐND các cấp, là rất cần thiết nhằm tuân thủ hiệu quả các bước tạo lập này tại các đơn vị hành chính.

Thực tiễn cho thấy số lượng VBQPPL ra

đời được đánh giá là cơ bản thỏa mãn được yêu cầu của địa phương. Tuy nhiên, để việc tuân thủ quy trình phù hợp với số lượng trong thực hiện thì cần giải quyết các bất cập trong tương lai gần.

5.2 Hàm ý quản trị

Kiến nghị pháp luật về xây dựng VBQPPL của CQĐP trong thời gian sắp tới, cụ thể:

Thứ nhất, CQNN Trung ương cần hướng dẫn, ban hành VBQPPL mới, cụ thể:

- Kiến nghị Quốc hội cho ra đời luật mới, trong đó quy trách nhiệm xử lý đối với đơn vị được gửi góp ý nhưng thực hiện chưa hết trách nhiệm, quy định cụ thể thời gian hoàn thành các bước hợp lý, dễ theo dõi và thời gian bao lâu phải xử lý quy trình để đảm bảo tiến độ. Nếu nội dung VBQPPL của CQNN tại địa phương không chứa chính sách mới mà chính sách này đã có sẵn và hiệu lực trên phạm vi cả nước thì không nhận xét. Nếu như chính sách đó có đặc trưng của tỉnh nhà thì phải nhận xét theo luật định.

- Các Bộ chuyên ngành xem xét thông tư quy định các yếu tố cụ thể can hệ đến KT-XH, sự riêng biệt của vùng miền và về giới.

- Các Bộ liên quan có thông tư hướng dẫn kiện toàn nhân sự pháp chế cho các Sở chuyên môn của tỉnh và tiếp tục tăng cường bồi dưỡng kỹ năng lập pháp cho lực lượng này nhằm đủ sức đảm nhận công việc tạo lập VB pháp quy của CQĐP; bổ sung chế độ kinh phí cho những người tham gia tạo lập, tư vấn để đảm bảo chất lượng ban hành.

Thứ hai, đối với CQNN ở địa phương

- HĐND hoặc UBND cấp tỉnh ban hành quy chế phối hợp và trách nhiệm xây dựng VB pháp quy giữa các ban HĐND, UBMTTQVN các cấp, các sở, ngành để các cơ quan này dễ thực hiện, trong đó có quy định xin ý kiến các Bộ chủ quản về chuyên môn để thực hiện; mời tham gia và tôn trọng các ý kiến của các chuyên gia lập pháp, các nhà khoa học, các hội luật gia, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Đoàn Luật sư các tỉnh, đặc biệt lưu ý phản biện xã hội của UBMTTQVN tại địa phương,

qua đó nâng cao hiệu quả dự thảo VBQPPL.

- Ban HĐND nên có mặt ngay từ đầu từ bước lập đề nghị, soạn thảo đề tăng chất lượng thẩm tra theo luật định.

- Quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức khi phản hồi các giải pháp của dự thảo VBQPPL bằng hình thức xử lý thích hợp. Ngoài việc ra thông báo thì cần gặp mặt trực tiếp với người dân có can hệ với VBQPPL.

- Trong công tác thẩm định, cần kiên quyết trả lời và giải quyết nhanh chóng tài liệu được trình nếu không đủ điều kiện.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho đại biểu

HĐND các cấp bằng cách gửi tài liệu nghiên cứu sớm, sắp xếp thời gian thảo luận hợp lý.

- Thường xuyên kiểm tra việc tạo lập VBQP để khắc phục các sai sót (nếu có).

- UBND cấp tỉnh quan tâm sắp xếp kiện toàn tổ chức pháp chế tại các sở chuyên môn theo nghị định của Chính phủ³ và trình HĐND cùng cấp có chủ trương phân bổ kinh phí để thuận lợi trong quá trình tạo lập VBQPPL.

- Quan tâm các cách thức phù hợp để người dân có thể dễ nắm bắt thông tin, giải thích cặn kẽ, tôn trọng quan điểm của nhân dân để đảm bảo quyền lợi chính đáng, đầy đủ cho mọi người.

³Nghị định số 56/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế.

Thông tin tác giả:

ThS. Phạm Minh Gia Ý, Giảng viên Khoa Luật Kinh tế, Trường Đại học Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Email: pmgy@upt.edu.vn

Ghi chú:

Tác giả đã xác nhận không có tranh chấp về lợi ích đối với bài báo này.

Thông tin bài báo:

Ngày nhận bài: 14/08/2024

Ngày hoàn thiện biên tập: 30/08/2024

Ngày duyệt đăng: 04/09/2024

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Văn bản pháp luật:

1. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13. (2015). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.

2. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi và bổ sung) số 63/2020/QH14. (2020). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.

3. Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ. (2016). Truy cập từ https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2016/05/34.signed_01.pdf

4. Nghị định số 154/2020/NĐ-CP của Chính phủ. (2020). Truy cập từ <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2021/01/154.signed.pdf>

5. Nghị định số 56/2024/NĐ-CP của Chính phủ (2024). Truy cập từ <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2024/5/56-nd-cp.signed.pdf>

6. Nghị định số 59/2024/NĐ-CP của Chính phủ. (2024). Truy cập từ <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2024/5/59-cp.signed.pdf>

Tài liệu điện tử:

7. Bộ Tư Pháp (2024), *Báo cáo tổng kết Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020*. Truy cập từ <https://www.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/chi-dao-dieu-hanh.aspx?ItemID=4255>

8. Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật Ninh Bình (2021-2024). Truy cập từ <https://vbpl.vn/ninhbinh/Pages/Home.aspx>

9. Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật Đắk Lắk (2021-2024). Truy cập từ <https://vbpl.vn/daklak/Pages/Home.aspx>

10. Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật An Giang (2021-2024). Truy cập từ <https://vbpl.vn/angiang/Pages/Home.aspx>

11. Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật Bình Thuận (2021-2024). Truy cập từ <https://vbpl.vn/binhthuan/Pages/Home.aspx>

12. Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật TP.HCM (2021-2024). Truy cập từ <https://vbpl.vn/thanhphohochiminh/Pages/Home.aspx>

THE PROCESS OF DRAFTING AND PROMULGATING NORMATIVE LEGAL DOCUMENTS BY LOCAL AUTHORITIES, SHORTCOMINGS, AND RECOMMENDATIONS FOR IMPROVEMENT

Pham Minh Gia Y*

Faculty of Economic Law, University of Phan Thiet, Binh Thuan Province, Vietnam

Abstract: *The article outlines the procedures for creating legal documents for local state power agencies, emphasizing the importance of thoroughness and consistency in their implementation. To clarify the steps' content, it is necessary to exploit the constituent elements to make objective comments. After analyzing this process, the article identifies the obstacles that need to be overcome to move forward. From there, the author suggests several ideas to enhance the quality of legal documents for local state power agencies in the future.*

Keywords: *the local government, resolutions, decisions, regal documents*

Author Information:

M.A. Pham Minh Gia Y, University of Phan Thiet, Binh Thuan Province, Vietnam

Email: pmgy@upt.edu.vn

Notes:

The author declared no competing interests.